

## KẾ HOẠCH

### Tổ chức kiểm tra, đánh giá các môn học năm học 2023-2024

Thực hiện Thông tư 26/2020/BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo V/v Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo;

Thực hiện Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT ngày 20/07/2021 Quy định về đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông;

Thực hiện công văn số 2272/SGDĐT-GDPT ngày 21/08/2023 của Sở GD&ĐT Quảng Ninh về việc “V/v hướng dẫn tổ chức kiểm tra, đánh giá học sinh THCS và THPT từ năm học 2023-2024”;

Thực hiện công văn số 1405/PGD&ĐT ngày 04/09/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về việc “Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục THCS năm học 2023-2024”;

Thực hiện kế hoạch số 221/KH-THCSMKII ngày 10/09/2023 của Trường THCS Mạo Khê II về Kế hoạch tổ chức triển khai hoạt động giáo dục năm học 2023-2024;

Căn cứ tình hình thực tế, trường THCS Mạo Khê II xây dựng kế hoạch kiểm tra, đánh giá học sinh THCS năm học 2023-2024 như sau:

#### **I. Mục đích yêu cầu**

##### **1. Mục đích**

- Đánh giá đúng kết quả dạy, học của giáo viên, học sinh và việc thực hiện đổi mới phương pháp dạy, học, kiểm tra, đánh giá.
- Hạn chế được tiêu cực trong kiểm tra, đánh giá.
- Rèn luyện nghiệp vụ coi thi, chấm thi của giáo viên.
- Rèn luyện học sinh khả năng tự giác, tích cực suy nghĩ, tự thân vận động và giúp cho học sinh tự tin hơn khi làm bài thi/kiểm tra.

##### **2. Yêu cầu**

- Đúng tiến độ chương trình, đảm bảo tính trung thực, công bằng, khách quan.
- Đúng quy chế, quy định, hình thức, thời gian, thời lượng, ... của việc ra đề và tổ chức kiểm tra.

#### **II. Quy định chung**

##### **1. Đối với học sinh lớp 9 thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông**

## **2006:**

Thực hiện theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 và Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/08/2020.

### *a) Hình thức:*

Đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập đối với các môn học: Âm nhạc, Mỹ thuật, Thể dục; kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số đối với các môn học còn lại.

### *b) Các loại bài kiểm tra, đánh giá:*

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Số lần kiểm tra, đánh giá thường xuyên không giới hạn bởi số điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên theo quy định.

- Kiểm tra, đánh giá định kì trên giấy hoặc trên máy tính đánh giá bằng điểm số phải xây dựng ma trận, đặc tả của đề kiểm tra; vận dụng hình thức tự luận (đối với môn Ngữ văn) và trắc nghiệm khách quan kết hợp tự luận đối với các môn học khác.

## **2. Đối với học sinh lớp 6, 7, 8 thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.**

Thực hiện theo Thông tư số 22 và Công văn số 2406/SGDĐT-GDPT ngày 27/8/2021 của Sở GDĐT.

### *a) Hình thức:*

Đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập đối với các môn học: Giáo dục thể chất, Nghệ thuật, Âm nhạc, Mỹ thuật, Nội dung giáo dục của địa phương, Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp; kết hợp giữa đánh giá bằng nhận xét và đánh giá bằng điểm số đối với các môn học còn lại.

### *b) Các loại bài kiểm tra, đánh giá:*

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên: Đối với một môn học, học sinh có thể được kiểm tra, đánh giá nhiều lần nhưng giáo viên chỉ chọn số lần điểm kiểm tra, đánh giá theo đúng quy định ghi vào sổ Theo dõi và đánh giá học sinh để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học.

- Kiểm tra, đánh giá định kì trên giấy hoặc trên máy tính đánh giá bằng điểm số phải được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề kiểm tra.

+ Hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận, tỉ lệ điểm cho mỗi phần được vận dụng như sau:

Môn Ngữ văn: điểm phần trắc nghiệm là 60%, điểm phần tự luận là 40%;

Môn Địa lí: điểm phần trắc nghiệm là 40%, điểm phần tự luận là 60%;

Môn/phân môn Lịch sử: điểm cho phần trắc nghiệm, tự luận linh hoạt;

Các môn Ngoại ngữ: điểm cho phần trắc nghiệm, tự luận linh hoạt. Trong đó, các môn Ngoại ngữ thực hiện kiểm tra giữa kỳ 3 kĩ năng nghe - đọc - viết và kiến thức ngôn ngữ, kiểm tra cuối kỳ 4 kĩ năng nghe - đọc - viết - nói và kiến thức ngôn ngữ; mỗi thành tố ngôn ngữ có ít nhất 2 dạng bài khác nhau, tỉ lệ điểm giữa

các thành tố ngôn ngữ đảm bảo độ lệch không quá 5%.

Các môn học khác: điểm phần trắc nghiệm là 70%, điểm phần tự luận là 30%.

+ Tỷ lệ mức độ nhận thức: 40% nhận biết; 30% thông hiểu; 20% vận dụng; 10% vận dụng cao.

+ Điểm phần nội dung kiến thức đã được kiểm tra giữa kì (nếu có), không quá 30% số điểm toàn bài trong đề kiểm tra cuối kì.

Đối với môn Tiếng Pháp: Do chưa có công văn hướng dẫn cụ thể nên môn Tiếng Pháp lớp 6,7,8 vẫn dạy học theo SGK của chương trình GDPT 2006 và đánh giá bằng nhận xét kết quả học tập của học sinh.

### **III. Quy định cụ thể:**

**1. Kiểm tra đánh giá định kì** (Bài kiểm tra đánh giá giữa kì và kiểm tra, đánh giá cuối kì)

\* **Tổ chức kiểm tra, đánh giá chung:** Đối với các môn: Toán; Ngữ văn, Vật lý, Hóa học, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, Tiếng anh, GD&CD, Lịch sử và địa lý, KHTN.

\* **Tổ chức kiểm tra, đánh giá riêng:** Đối với các môn Mỹ thuật, Âm nhạc, Nghệ thuật, Tin học, Công nghệ, Tiếng Pháp, TD, GD&TC.

\* **Thời lượng kiểm tra, đánh giá:** 90 phút đối với các môn Toán, Ngữ văn, Lịch sử và địa lý, KHTN; 60 phút đối với môn Tiếng Anh lớp 6,7,8; 45 phút đối với các môn còn lại.

\* **Nội dung kiểm tra, đánh giá:** Đúng chuẩn kiến thức kỹ năng và nội dung giảm tải, chính xác, khoa học, đảm bảo các mức độ kiến thức và khả năng vận dụng và kỹ năng thực hành của học sinh trong chương trình của từng môn học.

\* **Đề kiểm tra, đáp án, biểu điểm:** Mỗi đề phải có ma trận đề, đề, đáp án biểu điểm rõ ràng, cụ thể mức độ, phạm vi các vấn đề đòi hỏi học sinh phải giải quyết ở đề kiểm tra; biểu điểm đánh giá đúng chất lượng, phân loại trình độ, năng lực học sinh.

\* **Hình thức kiểm tra, đánh giá**

- Trắc nghiệm + tự luận đối với các môn: Toán, Vật lý, Hóa, Sinh học, Lịch sử, Địa lý, GD&CD, Công nghệ, Lịch sử và địa lý, KHTN

- Môn Tiếng anh và Ngữ văn kiểm tra theo hướng dẫn bộ môn.

- Kiểm tra theo quy định và tiêu chuẩn của bộ môn, gồm các môn: Thể dục, Âm nhạc, Mỹ thuật.

\* **Đề và in sao đề:** Đúng quy định và đảm bảo tính bảo mật.

\* **Chấm, trả bài kiểm tra và nhập điểm (Theo quy định của chuyên môn)**

**2. Kiểm tra đánh giá thường xuyên.**

\* **Tổ chức kiểm tra, đánh giá:** Trong giờ học (giờ lý thuyết, bài tập, thực

hành).

\* **Thời lượng kiểm tra, đánh giá:** Từ 05 phút đến 15 phút.

\* **Nội dung kiểm tra, đánh giá:** Kiến thức đã học trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành.

\* **Câu hỏi hoặc đề kiểm tra, đáp án, biểu điểm** (thể hiện trong giáo án): Rõ ràng, tường minh, phù hợp với năng lực học sinh.

\* **Hình thức kiểm tra, đánh giá:** Thực hiện theo hình thức trực tiếp thông qua: Hỏi- đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập. Đối với bài kiểm tra 15 phút ít nhất có 01 bài kiểm tra tự luận/01 học kì.

\* **Chấm, trả bài kiểm tra và nhập điểm kiểm tra 15 phút:** Chậm nhất sau 01 tuần tính từ ngày kiểm tra.

IV. Thời gian kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ.

\* Đối với khối 9:

KTGK1: Tuần 9; KTCK1: Tuần 18

KTGK2: Tuần 26; KTCK2: Tuần 31

\* Đối với khối 6,7,8:

KTGK1: Tuần 9; KTCK1: Tuần 18

KTGK2: Tuần 26; KTCK2: Tuần 33

**V. Số điểm kiểm tra đánh giá thường xuyên và định kì**

| TT | Môn        | Khối     | Số điểm kiểm tra, đánh giá thường xuyên | Số điểm kiểm tra, đánh giá định kì |         | Ghi chú     |
|----|------------|----------|-----------------------------------------|------------------------------------|---------|-------------|
|    |            |          |                                         | Giữa kì                            | Cuối kì |             |
| 1  | Toán       | 6,7,8,9  | 4                                       | 1                                  | 1       | ĐG cho điểm |
| 2  | Vật lý     | 9        | 3                                       | 1                                  | 1       | ĐG cho điểm |
| 3  | Hóa học    | 9        | 3                                       | 1                                  | 1       | ĐG cho điểm |
| 4  | Sinh học   | 9        | 3                                       | 1                                  | 1       | ĐG cho điểm |
| 5  | Ngữ văn    | 6,7,8,9  | 4                                       | 1                                  | 1       | ĐG cho điểm |
| 6  | Lịch sử    | 9        | 3                                       | 1                                  | 1       | ĐG cho điểm |
| 7  | Địa lý     | 9        | 3                                       | 1                                  | 1       | ĐG cho điểm |
| 8  | GDCD       | 6,7,8,9  | 2                                       | 1                                  | 1       | ĐG cho điểm |
| 9  | T.Anh      | 6,7,8,9  | 4                                       | 1                                  | 1       | ĐG cho điểm |
| 10 | Công nghệ  | 8        | 3                                       | 1                                  | 1       | ĐG cho điểm |
|    |            | 6,7,9    | 2                                       | 1                                  | 1       | ĐG cho điểm |
| 11 | Thể dục    | 9        | 3                                       | 1                                  | 1       | ĐG bằng NX  |
|    | GDTC       | 6,7,8    | 2                                       | 1                                  | 1       | ĐG bằng NX  |
| 12 | Âm nhạc    | 9 (kì 1) | 2                                       | 1                                  | 1       | ĐG bằng NX  |
| 13 | Mỹ thuật   | 9 (kì 2) | 2                                       | 1                                  | 1       | ĐG bằng NX  |
|    | Nghệ thuật | 6,7,8    | 2                                       | 1                                  | 1       | ĐG bằng NX  |

|    |                   |         |   |   |   |             |
|----|-------------------|---------|---|---|---|-------------|
| 14 | Tin học           | 9       | 3 | 1 | 1 | ĐG cho điểm |
|    | Tin học           | 6,7,8   | 2 | 1 | 1 | ĐG cho điểm |
| 15 | Tiếng pháp        | 6,7,8,9 | 2 | 1 | 1 | ĐG bằng NX  |
| 16 | Lịch sử và địa lý | 6,7,8   | 4 | 1 | 1 | ĐG cho điểm |
| 17 | KHTN              | 6,7,8   | 4 | 1 | 1 | ĐG cho điểm |
| 19 | GDĐP              | 6,7,8   | 2 | 1 | 1 | ĐG bằng NX  |
| 20 | HĐTN              | 6,7,8   | 2 | 1 | 1 | ĐG bằng NX  |

## **V. Tổ chức thực hiện**

### **1. Ban giám hiệu**

- Xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch.
- Kiểm tra việc thực hiện kiểm tra đánh giá học sinh của tổ chuyên môn.

### **2. Tổ chuyên môn**

- Đôn đốc việc thực hiện kế hoạch kiểm tra đánh giá học sinh của giáo viên.
- Báo cáo tiến độ thực hiện của tổ về BGH.

### **3. Giáo viên**

- Thực hiện nghiêm túc đúng quy chế đánh giá, xếp loại học sinh của Bộ GD&ĐT.
- Đánh giá khách quan công bằng kết quả học tập của học sinh.
- Hoàn thành và gửi ngân hàng câu hỏi, ma trận kiến thức các đề kiểm tra đúng quy định.

Trên đây là kế hoạch kiểm tra, đánh giá học sinh năm học 2023-2024 của trường THCS Mạo Khê II, yêu cầu các đồng chí giáo viên nghiêm túc thực hiện. Trong quá trình thực nếu có vướng mắc các đ/c báo cáo BGH xin ý kiến chỉ đạo.

#### **Nơi nhận:**

- Phòng GD&ĐT;
- BGH; Tổ trưởng CM;
- Web NT; Lưu VT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**Trần Thị Phương Thảo**